

Bản án số: 127/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2019

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Chín.

2. Ông Lê Văn Hiền.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 618/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2018 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1967;*

- *Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1973;*

Cùng địa chỉ: Nhà không số, tổ 5, hẻm 258/27 Đường Huỳnh Tấn Phát, ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Các đương sự đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Việt T trình bày:***

Ông và bà Lê Thị M tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2003, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo ông T, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì bà M ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí bà M đã nhiều lần hành hung ông bằng dao, búa và chày; ngoài ra bà M còn lên cơ quan ông chửi bới làm ông nhiều lần mất uy tín nơi làm việc. Bên cạnh đó vợ chồng còn bất đồng quan điểm về công việc của bà M vì ông không đồng ý bà M kinh doanh thực phẩm chức năng. Do các mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài mà không giải quyết được nên đến tháng 7/2018 ông đã bỏ đi nơi khác sinh sống và sống ly thân cho đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị M.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Lê Việt A, sinh ngày 10/02/2004. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có.

**- Bị đơn bà Lê Thị M trình bày:**

Bà M xác nhận quá trình kết hôn, có con chung, tài sản chung và nợ chung như ông T trình bày là đúng. Tuy nhiên về mâu thuẫn gia đình, bà M cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng tuy có thật nhưng chưa đến mức trầm trọng, đôi khi vợ chồng có cãi nhau dẫn đến xung đột là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vì con chung còn nhỏ nên bà M không đồng ý ly hôn và mong muốn gia đình đoàn tụ để cả hai cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Về con chung, nếu Tòa án chấp thuận đơn xin ly hôn của ông T thì bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Việt Anh và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung bà M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Về hình thức, qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa.

Về nội dung, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua phần hỏi, tranh luận tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ do mâu thuẫn giữa ông T và bà M phát sinh đã lâu xuất phát từ sự không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, hiện nay cả hai đều không có giải pháp nào để khắc phục. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Việt T yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Mước. Do bà M đang cư trú tại nhà huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phía bà M thừa nhận thời gian qua tình trạng vợ chồng rất căng thẳng, cuộc sống không còn hạnh phúc do bà không tin tưởng ông T trong các mối quan hệ nam nữ, ngoài ra ông T và con trai không ủng hộ bà làm công việc liên quan đến kinh doanh thực phẩm chức năng nên cả hai ngày càng bất đồng quan điểm, từ

đó dẫn đến cãi vã, xúc phạm, thậm chí xô xát nhau. Mỗi lần bà và ông T xô xát nhau bà đều trình báo với địa phương nhưng tình trạng vẫn không cải thiện được. Tuy nhiên bà M vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn.

Theo kết quả xác minh của Tòa án ngày 06/3/2019 tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Phú Xuân xác định: *Trong quá trình chung sống tại nhà không số, tổ 5, hẻm 258/27 đường Huỳnh Tấn Phát, ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T và bà M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Ban nhân dân ấp đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành.*

Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà M là hoàn toàn có thật và đã kéo dài từ năm 2005, đỉnh điểm là từ năm 2009 đến nay (theo xác nhận của các bên tại phiên tòa hôm nay). Các mâu thuẫn này xuất phát từ việc bà M không tin tưởng vào sự chung thủy của ông Trung, sau đó vợ chồng bất đồng thêm về vấn đề công việc riêng của bà Mước, từ đó dẫn đến việc cả hai cùng cãi vã, xúc phạm nhau liên tục, thậm chí xô xát nhau mà không có giải pháp nào để khắc phục, hàn gắn, cải thiện. Điều đó cho thấy đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Việt T đối với bà Lê Thị M.

Về vấn đề con chung, cả hai đều yêu cầu được nuôi con. Trẻ Việt A có nguyện vọng được sống với ông T sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, tại phiên tòa bà M thừa nhận trong thời gian chung sống ông T rất có trách nhiệm với con, thậm chí trong thời gian sống ly thân ông T vẫn trả tất cả chi phí liên quan đến tiền thuê nhà (cho bà và con ở) và các chi phí học hành của trẻ. Bản thân bà M cho biết hiện nay đang chưa có công việc và phải vay mượn bên ngoài để sinh sống. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ giao trẻ Việt A cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà M cùng xác định không có.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0033603 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông T đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Việt T được ly hôn với bà Lê Thị Mước.

- Về con chung: Giao ông Nguyễn Việt T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Lê Việt A, sinh ngày 10/02/2004. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2/- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ nộp, được miễn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0033603 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông T đã nộp đủ án phí.

3/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/- Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**LÊ THU HIỀN**

